

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch xác định giá đất cụ thể trên địa  
bàn tỉnh Bình Phước năm 2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 221/TTr-STNMT ngày 07/5/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2015.

**Điều 2.** Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- LĐVP, phòng: KTN; KTTH;
- Lưu: V(HH159).<sub>10/10</sub>



**CHỦ TỊCH** 

*Nguyễn Văn Trầm*

**KẾ HOẠCH ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2015**  
(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Chủ tịch  
UBND tỉnh)

---

**I. Căn cứ pháp lý**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014 của Chính phủ;

**II. Mục tiêu, yêu cầu**

**1. Mục tiêu**

- Làm cơ sở cho công tác xác định giá đất cụ thể các khu đất trên địa bàn tỉnh năm 2015.
- Dự kiến các trường hợp cần phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

**2. Yêu cầu**

- Kế hoạch xác định giá đất cụ thể phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hàng năm của các huyện, thị xã.
- Đề ra các tiêu chí để xác định các trường hợp cần phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.
- Lựa chọn các tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất phải đủ năng lực, đảm bảo tính khách quan và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**III. Nội dung thực hiện**

**1. Tiêu chí xác định trường hợp phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất**

- Khu đất cần định giá có giá trị từ 10 tỷ trở lên (tính theo Bảng giá đất) trong các trường hợp: tổ chức được giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; được công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

- Các khu đất giao cho nhà đầu tư thực hiện khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ.

- Những khu đất gần chợ, trung tâm thương mại, trung tâm hành chính, có tính chất nhạy cảm, phức tạp và các dự án thu hồi đất mà khi khảo sát không thu thập thông tin để áp dụng được phương pháp so sánh.

**Ghi chú:** Những trường hợp xác định giá đất cụ thể cần thuê tư vấn xác định giá đất đã được dự kiến tại các phụ lục kèm theo kế hoạch này. Những trường hợp sau khi khảo sát phải thuê tư vấn xác định giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình UBND tỉnh quyết định thuê tư vấn xác định giá đất cho khu đất đó.

## **2. Quy trình lựa chọn tổ chức tư vấn xác định giá đất**

a) Gói thầu thuê tư vấn xác định giá đất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên thì phải thông qua đấu thầu. Quy trình thực hiện theo Luật đấu thầu 2013 và các văn bản hướng dẫn Luật đấu thầu 2013.

b) Gói thầu thuê tư vấn xác định giá đất có giá trị dưới 500 triệu đồng thì cơ quan có thẩm quyền được phép chỉ định thầu. Quy trình như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản chào hàng đến các tổ chức tư vấn xác định giá đất được phê duyệt tại kế hoạch này.

- Căn cứ theo giá trị gói dịch vụ mà các tổ chức tư vấn đề nghị, Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn tổ chức tư vấn có giá trị gói dịch vụ thấp nhất. Trường hợp, giá trị gói dịch vụ của các tổ chức tư vấn đều bằng nhau thì Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ tình hình thực tế để quyết định chỉ định thầu.

## **3. Các tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất tham gia công tác xác định giá đất cụ thể năm 2015**

a) Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: 359 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

+ Chi nhánh tại Bình Phước: Đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: 08.38378845; 0651.3885563.

- Website: [www.sivc.com.vn](http://www.sivc.com.vn)

- Email: [sivc@sivc.com.vn](mailto:sivc@sivc.com.vn)

b) Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: 39/3L Phạm Văn Chiêu, phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Văn phòng đại diện tại Bình Phước: số 975 QL14, ấp 1A, xã Tiên Thành, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: 08.35095707.

- Website: [www.thamdinggia.com.vn](http://www.thamdinggia.com.vn)

- Email: [thamdinggiadatviet@gmail.com](mailto:thamdinggiadatviet@gmail.com)

c) Công ty cổ phần thẩm định giá Đất Phương Nam

- Địa chỉ: 64, Đường số 4, KDC Hiệp Thành 3, p. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0914.391.396



- Website: <http://thamdinghiadatphuongnam.com.vn>

- Email: [thamdinghiadatphuongnam@gmail.com](mailto:thamdinghiadatphuongnam@gmail.com)

d) Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Sài Gòn

- Địa chỉ: 20 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 08.39246838

- Website: <http://thamdinghiasaigon.vn>

-Email: [tdgsg@.vnn.vn](mailto:tdgsg@.vnn.vn)

đ) Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCValue

- Địa chỉ: 11A Cao Bá Quát, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

- Điện thoại: 04.62698559

- Website: [www.btcvalue.vn](http://www.btcvalue.vn); [www.btcvalue.com](http://www.btcvalue.com)

-Email: [info@btcvalue.vn](mailto:info@btcvalue.vn)

#### **4. Danh sách các khu đất dự kiến cần xác định giá đất cụ thể năm 2015 (Có bảng kèm theo)**

a) Đối với các dự án có đất phải thu hồi, giải phóng mặt bằng – Phụ lục 1;

b) Đối với xác định giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, quyền thuê đất – Phụ lục 2;

c) Đối với các khu đất giao hoặc cho thuê đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có giá trị trên 10 tỷ đồng – Phụ lục 3.

### **IV. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Thời gian thực hiện**

- Công tác xác định giá đất cụ thể bắt đầu từ khi ngày kế hoạch này được cấp thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2015.

- Đối với những trường hợp đã được phê duyệt trong kế hoạch nhưng chưa thực hiện được trong năm 2015, các huyện, thị xã có văn bản giải trình và đề xuất thực hiện trong năm tiếp theo.

#### **2. Nhiệm vụ của các sở, ngành**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, UBND các huyện, thị và các ngành có liên quan tổ chức xác định giá đất cụ thể theo quy định này và các quy định của Luật Đất đai.

- Báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các trường hợp phát sinh (không nằm trong kế hoạch này) trước khi thực hiện việc xác định giá đất cụ thể.

b) Sở Tài chính:

- Tham gia phối hợp trong công tác định giá đất cụ thể.

- Chủ trì việc thẩm định phương án xác định giá đất cụ thể.

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, cân đối và bố trí kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện công tác xác định giá đất cụ thể.

c) Cục thuế: Tham gia phối hợp trong công tác định giá đất cụ thể.

d) UBND huyện, thị xã: Bố trí cán bộ tham gia phối hợp cùng với đoàn công tác khi khảo sát khu đất cần định giá.

đ) Các đơn vị khác: Tham gia phối hợp trong công tác định giá đất cụ thể khi có giấy mời.

#### **V. Kinh phí thực hiện**

Theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 1171/STC-HCSN ngày 25/4/2015, cụ thể:

- Tổng kinh phí xác định giá đất cụ thể năm 2015 là **158.600.000 đồng** (*Một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm ngàn đồng*);

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp tài nguyên đã giao cho đơn vị trong dự toán 2015.

Riêng kinh phí hợp đồng thuê tư vấn xác định giá đất, Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực tế phát sinh./.



**PHỤ LỤC 1:**  
**DANH SÁCH CÁC KHU ĐẤT CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ THUỘC CÁC DỰ ÁN CÓ ĐẤT PHẢI THU HỒI,**  
**GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 445 /QĐ-UBND ngày 20 / 5 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Khu vực	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>1</b>		<b>ha</b>	<b>10</b>	<b>12.000.000.000</b>	
1	Bãi rác thị xã		Long Giang	ha	10	12.000.000.000	x
<b>II</b>	<b>Thị xã Đồng Xoài</b>	<b>12</b>		<b>ha</b>	<b>28,74</b>	<b>169.454.900.000</b>	
	<b>Phường Tân Bình</b>	<b>1</b>		<b>ha</b>	<b>6,15</b>		
1	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ công viên văn hóa tỉnh (Hạng mục mở rộng đường QH số 30)		KP Tân Trà	ha	6,15	30.750.000.000	x
	<b>Phường Tân Phú</b>	<b>4</b>		<b>ha</b>	<b>13,84</b>		
1	Đường Trần Hưng Đạo nối dài		KP Phú Lộc, Phú Tân	ha	4,38	21.900.000.000	x
2	Phân lô hai bên đường Trần Hưng Đạo nối dài		KP Phú Lộc, Phú Tân	ha	3,4	17.000.000.000	x
3	Xây dựng hai tuyến đường quy hoạch lộ giới 28m và 23m thuộc KDC phía bắc Trung tâm tỉnh lỵ (Phía bắc TS CA tỉnh)		KP Phú Tân	ha	1,36	6.800.000.000	
4	KDL hồ suối Cam		KP Phú Lộc	ha	4,7	37.600.000.000	x
	<b>Phường Tân Thiện</b>	<b>4</b>		<b>ha</b>	<b>4,32</b>		
1	Mở rộng khuôn viên bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh		KP Xuân Đồng	ha	0,05	255.000.000	
2	Mở rộng đường vào bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh		KP Xuân Đồng	ha	0,06	840.000.000	
3	Mở rộng trường tiểu học Tân Thiện		KP Phước Tân	ha	0,21	630.000.000	

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Khu vực	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
4	Đường số 1		KP Bình Thiện	ha	4	43.200.000.000	x
	<i>Xã Tân Thành</i>	<i>2</i>		<i>ha</i>	<i>1,88</i>		
1	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II		Áp Bưng Sê	ha	1,88	714.400.000	
	<i>Xã Tiến Hưng</i>			<i>ha</i>	<i>1,35</i>		
1	Mở rộng trường mầm non Hoa Lan và TN Tiến Hưng B		Áp 2	ha	0,17	977.500.000	
2	Đường giao thông từ KCN Đồng Xoài 3 đến đường Lâm trường		Áp 2, áp 4	ha	1,18	1.888.000.000	
	<i>Xã Tiến Thành</i>	<i>1</i>		<i>ha</i>	<i>1,2</i>		
1	Mở rộng trường THCS Tiến Thành		Áp 4	ha	1,2	6.900.000.000	
<b>III</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>3</b>		<b>m2</b>	<b>31.618,0</b>	<b>1.324.708.000</b>	
1	Đường Trần Phú mở rộng		An Lộc	m2	5.487,5	606.575.800	
2	Đường Bùi Thị Xuân mở rộng		An Lộc	m2	3.558,3	563.793.000	
3	Kênh tiêu thoát nước suối Cầu Trắng		Hưng Chiên	m2	22.572,2	154.339.200	
<b>IV</b>	<b>Huyện Chơn Thành</b>	<b>6</b>		<b>m2</b>	<b>22.036.279,8</b>	<b>13.899.136.236.250</b>	
1	Dự án đường N3 (từ Quốc lộ 13 đến đường ấp Hiếu Cảm)		TT Chơn Thành	m2	18.869,1	20.539.015.350	x
2	Dự án khu Trung tâm DV-TM Suối đôi		TT Chơn Thành	m2	240.000,0	261.240.000.000	x
3	Dự án Chợ đầu mối - TTTM và khu dân cư Thành Hưng		TT Chơn Thành	m2	16.440.000,0	12.716.340.000.000	x
4	Dự án KCN Minh Hưng III (Cty CP chế biến gỗ Thuận An)		Minh Hưng	m2	5.588,7	2.291.367.000	
5	Khu Dân cư - Công nghiệp Becamex		Minh Thành, Nha Bích	m2	5.215.573,4	839.707.317.400	x
6	Dự án đường N9 nối dài đến đường số 3		TT Chơn Thành	m2	114.599,1	59.018.536.500	x
<b>V</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>5</b>		<b>ha</b>	<b>409,4</b>	<b>282.900.000.000</b>	

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Khu vực	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
1	Tiểu dự án đường trục chính Bắc - Nam nối dài ( thuộc quy hoạch đô thị Tân Khai)		Tân Khai	ha	10	9.300.000.000	
2	Tiểu dự án khu Trung tâm thể dục, thể thao huyện		Tân Khai	ha	7,4	16.600.000.000	x
3	Khu mỏ dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Bình Phước - An Phú, Minh Tâm		An Phú, Minh Tâm	ha	100	65.000.000.000	x
4	Mỏ xi măng và mặt bằng Nhà máy xi măng An Phú - An Phú		An Phú	ha	280	182.000.000.000	x
5	Đường điện 220kv Bình Long - Tây Ninh		An Phú, Minh Tâm	ha	12	10.000.000.000	x
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>không có</b>					
<b>VII</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>33</b>		<b>ha</b>	<b>162,65</b>	<b>249.138.047.420</b>	
1	Vùng lõi công trình quân sự		Thông Nhất	ha	30,00	6.900.000.000	
2	Trường bắn		Đoàn Kết	ha	60,00	15.000.000.000	x
3	Trụ sở công an phòng cháy chữa cháy		Đức Phong	ha	2,00	17.220.000.000	x
4	Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng sóc Bom Bo		Bình Minh	ha	14,20	15.506.400.000	x
5	Mở rộng trường cấp 3 Lương Thế Vinh		Bom Bo	ha	0,62	334.800.000	
6	Mở rộng khu khai thác đá Khang Thịnh		Minh Hưng	ha	1,97	1.008.640.000	
7	TTTM Bom Bo		Bom Bo	ha	1,24	2.135.280.000	
8	Khu dân cư - TM - VH-TDĐT Đăng Hà		Đăng Hà	ha	6,70	6.351.600.000	
9	Khu dân cư VH-GD		Đức Phong	ha	1,14	9.855.867.000	
10	Mở rộng chợ Bù Na xã Nghĩa Trung		Nghĩa Trung	ha	1,62	2.841.877.320	
11	Mở rộng chợ Đức Liễu		Đức Liễu	ha	0,59	1.740.500.000	
12	Khu dân cư Lý Thường Kiệt		Đức Phong	ha	10,00	86.100.000.000	x
13	Khu dân cư và đường D1 nối dài		Đức Phong	ha	7,06	60.786.600.000	x
14	Khu dân cư xã Minh Hưng		Minh Hưng	ha	7,50	12.765.000.000	x
15	Mở rộng trường THCS Nghĩa Trung		Nghĩa Trung	ha	0,44	773.520.000	





STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Khu vực	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
16	Mở rộng trường Mẫu giáo Phước Sơn		Phước Sơn	ha	0,75	726.677.600	
17	Nghĩa trang Đức Phong		Đoàn Kết	ha	1,61	401.950.000	
18	Bãi rác xã		Đăk Nheu	ha	1,00	200.000.000	
19	Bãi rác xã		Minh Hưng	ha	1,00	220.000.000	
20	Bãi rác xã		Thọ Sơn	ha	0,88	220.000.000	
21	Nghĩa địa xã		Nghĩa Bình	ha	0,78	179.676.000	
22	Nghĩa địa xã		Phú Sơn	ha	1,00	210.000.000	
23	Nghĩa địa xã		Đường 10	ha	1,40	266.000.000	
24	Nghĩa địa xã		Bình Minh	ha	2,44	561.200.000	
25	Nghĩa địa xã		Đức Liễu	ha	0,38	96.025.000	
26	MR nghĩa địa xã		Đăk Nheu	ha	0,99	198.000.000	
27	Mương thoát nước (đất ông Phi)		Đức Phong	ha	0,01	4.014.500	
28	Đường Hầm đá (Bù Ra Măng)		Minh Hưng	ha	1,19	262.680.000	
29	Đường thác đứng		Minh Hưng	ha	0,50	256.000.000	
30	Đường Hưng Phú		Minh Hưng	ha	0,62	1.793.040.000	
31	Khu trung tâm xã Đăk Nheu (4 hộ chưa thu hồi)		Đăk Nheu	ha	2,26	3.435.200.000	
32	Thu hồi đất để mở rộng trung tâm dạy nghề		TT. Đức Phong	ha	0,75	787.500.000	
33	Thu hồi đất để xây dựng vỉa hè QL 14 tại TT. Đức Phong		TT. Đức Phong	ha	1,20	840.000.000	
VIII	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>20</b>		<b>ha</b>	<b>457,55</b>	<b>115.109.100.000</b>	
A	<b>Các công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>	<b>3</b>		<b>ha</b>	<b>433,2</b>		
A.1	<b>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>	<b>2</b>		<b>ha</b>	<b>53,2</b>		
1	Cán cứ hậu cần		Lộc Thuận	ha	20	3.400.000.000	
2	Sân bay Quân sự Lộc Ninh		TT Lộc Ninh	ha	33,2	9.960.000.000	

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Khu vực	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
A.2	<b>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</b>	<b>1</b>		<b>ha</b>	<b>380</b>		
1	Đất di tích lịch sử và du lịch Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		Lộc Thành	ha	380	57.000.000.000	x
<b>B</b>	<b>Các công trình, dự án cấp huyện</b>	<b>17</b>		<b>ha</b>	<b>24,35</b>		
1	Quy hoạch khu thương mại		TT Lộc Ninh	ha	0,15	2.625.000.000	
2	Quy hoạch trường mẫu giáo		TT Lộc Ninh	ha	2,42	1.815.000.000	
3	Trường tiểu học mẫu giáo Sao Sáng		Lộc Thuận	ha	1		
4	Đất ở đô thị		TT Lộc Ninh	ha	1,75	6.526.500.000	
5	Đất ở đô thị		TT Lộc Ninh	ha	0,67	11.725.000.000	x
6	Đất ở đô thị		TT Lộc Ninh	ha	1,22	12.200.000.000	x
7	Đất ở đô thị		TT Lộc Ninh	ha	0,86	6.450.000.000	
8	Nghĩa địa		Lộc Thiện	ha	4	520.000.000	
9	Nghĩa địa		Lộc Thiện	ha	1,03	175.100.000	
10	Nghĩa địa		Lộc Điền	ha	3,5	595.000.000	
11	trụ sở ấp 6		Lộc Thuận	ha	0,3	51.000.000	
12	Trụ sở ấp 7		Lộc Thuận	ha	0,3	40.800.000	
13	Trụ sở ấp 11		Lộc Thuận	ha	0,3	35.700.000	
14	Nhà văn hóa ấp Tân Lợi		Xã Lộc Phú	ha	0,25	42.500.000	
15	Nhà văn hóa ấp Tân Hai		Xã Lộc Phú	ha	0,25	42.500.000	
16	Trụ sở công an huyện		TT Lộc Ninh	ha	5,35	1.605.000.000	
17	Cơ sở giết mổ gia súc tập trung		TT Lộc Ninh	ha	1	300.000.000	
<b>IX</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>không có</b>					
<b>X</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>không có</b>					
	<b>Tổng cộng</b>	<b>80</b>				<b>14.729.062.991.670</b>	

Ghi chú: Dấu "x": Để chỉ dự kiến khu đất khi xác định giá cụ thể cần phải thuê tổ chức tư vấn xác định giá đất.



**PHỤ LỤC 2:**  
**DANH SÁCH CÁC KHU ĐẤT CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ ĐÁU GIÁ ĐẤT**  
*(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 20 / 5 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Vị trí	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>1</b>		<b>ha</b>	<b>20,5</b>	<b>653.000.000.000</b>	
1	Đấu giá đất dự án TTTC và ĐTM	1	Long Phước	ha	20,5	653.000.000.000	x
<b>II</b>	<b>Thị xã Đồng Xoài</b>	<b>13</b>		<b>m2</b>	<b>10.907,8</b>	<b>1.609.408.000</b>	
	<b>Xã Tiến Hưng</b>	<b>11</b>		<b>m2</b>	<b>9.841,7</b>		
1	Ao hợp tác xã Hưng Thịnh cũ		Ấp 4	m2	4.954,8	594.576.000	
2	Đường cụt		Ấp 4	m2	393,6	47.232.000	
3	Đường cụt		Ấp 4	m2	410,0	49.200.000	
4	Đường cụt		Ấp 4	m2	403,7	48.444.000	
5	Đường cụt		Ấp 4	m2	414,3	49.716.000	
6	Đường cụt		Ấp 4	m2	411,0	49.320.000	
7	Đường lấy nước giếng cũ nhà ông Trục			m2	200,0	24.000.000	
8	Đường cụt		Ấp 4	m2	412,0	49.440.000	
9	Đường cụt		Ấp 4	m2	375,0	45.000.000	
10	Đường cụt		Ấp 4	m2	376,3	45.156.000	
11	Khu đất chợ cũ		Ấp 4	m2	1.491,0	178.920.000	
	<b>Xã Tân Thành</b>	<b>1</b>		<b>m2</b>	<b>412,9</b>		
1	Đất thu hồi theo Quyết định 236/QĐ-UBND ngày 04/2/1998 của UBND tỉnh		Ấp 7	m2	412,9	49.548.000	
	<b>Phường Tân Đông</b>	<b>1</b>		<b>m2</b>	<b>653,2</b>		
1	Phần diện tích cạnh trước nhà thờ Đồng Xoài			m2	653,2	378.856.000	
<b>III</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>6</b>		<b>m2</b>	<b>21.478,9</b>	<b>16.767.072.000</b>	
1	Khu đất dân cư trường mầm non An Lộc		An Lộc	m2	590,3	708.360.000	
2	Khu đất thuộc khu phố Phú Xuân, phường Phú Thịnh		Phú Thịnh	m2	351,6	1.582.200.000	

STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Vị trí	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
3	Khu dân cư trường PTTH chuyên Bình Long, phường Hưng Chiến		Hưng Chiến	m2	7.239,0	4.560.570.000	
4	Khu dân cư khu phố Phú Tân, phường Hưng Chiến		Hưng Chiến	m2	13.298,0	6.702.192.000	
5	Khu dân cư đường Nguyễn Trãi, phường Phú Đức (15 lô)		Phú Đức	m2	1.215,0	2.733.750.000	
6	Khu dân cư đường Lý Thường Kiệt, phường Phú Đức (5 lô)		Phú Đức	m2	400,0	480.000.000	
<b>IV</b>	<b>Huyện Chơn Thành</b>	<b>9</b>		<b>m2</b>	<b>21.591,8</b>	<b>34.143.825.600</b>	
1	02 lô dân cư Cầu đường 76 cũ (ao cũ)		TT Chơn Thành	m2	418,7	489.879.000	
2	20 lô dân cư QH tại Trường tiểu học Minh Trung B		TT Chơn Thành	m2	3.998,7	9.796.815.000	
3	21 lô dân cư: cụm N21 (1 lô), N8 (11 lô), N22 (7 lô), N26A (1 lô), N27A (1 lô) tại Khu TTHC Huyện		TT Chơn Thành	m2	3.528,0	5.644.800.000	
4	Lô dân cư Trạm y tế xã Minh Lập cũ		Minh Lập	m2	228,0	285.000.000	
5	13 lô dân cư Đội cơ giới 8 Minh Long cũ		Minh Long	m2	4.045,9	1.820.655.000	
6	Khu đất Cầu đường 76 giao lại (thửa 55 và 56 tờ 82)		TT Chơn Thành	m2	5.901,4	4.426.050.000	
7	Lô dân cư QH đường không còn sử dụng (thửa 66 tờ 60)		TT Chơn Thành	m2	160,7	393.715.000	
8	Lô dân cư QH đất không người thừa kế (thửa 47 tờ 85)		TT Chơn Thành	m2	245,2	600.740.000	
9	Lô dân cư và nông nghiệp - ruộng thị đội (thửa 78 tờ 26)		TT Chơn Thành	m2	3.065,2	1.020.711.600	
<b>V</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>		<b>không có</b>				
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>6</b>		<b>m2</b>	<b>38.065,3</b>	<b>8.876.846.800</b>	
1	Khu TTHC xã Tân Lợi		Tân Lợi	m2	9.435,6	1.226.628.000	



STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Vị trí	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
2	Khu TTHC xã Đồng Tâm		Đồng Tâm	m2	17.700,4	3.752.484.800	
3	Thị trấn Tân Phú		TT Tân Phú	m2	3.715,4	1.114.620.000	
4	Khu dân cư phía bắc TTHC huyện		TT Tân Phú	m2	1.934,2	1.199.204.000	
5	Khu Hoa viên - Trượng đài		TT Tân Phú	m2	5.279,7	1.583.910.000	
6	Chợ Nông thôn mới xã Tân Lập (A1)		Tân Lập	m2	1.401,1	529.615.800	
<b>VII</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>9</b>		<b>ha</b>	<b>12,64</b>	<b>76.867.330.000</b>	
1	Bán đấu giá trụ sở Công an TT cũ		Đức Phong	ha	0,03	533.400.000	
2	Trung tâm thương mại xã Nghĩa Trung		Nghĩa Trung	ha	0,58	4.108.770.000	
3	Bán đấu giá khu bệnh viện cũ		Đức Phong	ha	0,30	6.300.000.000	
4	KDC thôn 2		Đức Liễu	ha	2,00	2.600.000.000	
5	Bán đấu giá trạm y tế xã		Nghĩa Trung	ha	0,18	1.285.810.000	
6	KDC Phú Sơn		Phú Sơn	ha	1,44	7.197.350.000	
7	Bán đấu giá vị trí QH đội thuế, ngân hàng		Đồng Nai	ha	0,32	1.592.000.000	
8	KDC xã Minh Hưng		Minh Hưng	ha	7,50	51.750.000.000	x
9	Bán đấu giá vị trí QH đội thuế, bưu điện		Bình Minh	ha	0,30	1.500.000.000	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>		<b>không có</b>				
<b>IX</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>3</b>		<b>m2</b>	<b>55.620</b>	<b>25.796.000.000</b>	
1	Khu đất đồi Chi khu tại ấp 3, xã Thiện Hưng		Thiện Hưng	m2	22.600	15.820.000.000	x
2	Khu đất tại khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình		Thanh Bình	m2	23.520	2.788.000.000	
3	Khu đất tại khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình		Thanh Bình	m2	9.500	4.400.000.000	
<b>X</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>1</b>		<b>m2</b>	<b>3.054</b>	<b>2.000.000.000</b>	
1	Khu dân cư Xã Long Hưng		Long Hưng	m2	3.054	2.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>48</b>				<b>819.060.482.400</b>	

Ghi chú: Dấu "x": Để chỉ dự kiến khu đất khi xác định giá cụ thể cần phải thuê tổ chức tư vấn xác định giá đất.

**PHỤ LỤC 3:**

**DANH SÁCH CÁC KHU ĐẤT CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ CÓ GIÁ TRỊ TỪ 10 TỶ ĐỒNG TRỞ LÊN**

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Tên dự án	SL khu đất cần định giá	Đvt	Diện tích	Tổng giá trị ước tính (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>6</b>		<b>12.887.249,8</b>	<b>322.181.245.000</b>	
1	Công ty cổ phần đầu tư Quỳnh Vy		m2	2.021.885,6	50.547.140.000	x
2	Công ty cổ phần đầu tư An Phước		m2	3.276.600,1	81.915.002.500	x
			m2	1.415.065,1	35.376.627.500	x
			m2	685.007,1	17.125.177.500	x
			m2	3.853.499,9	96.337.497.500	x
3	Công ty cổ phần đầu tư Quyên Ngọc		m2	760.550,8	19.013.770.000	x
4	Công ty cổ phần đầu tư Trường Phước		m2	424.642,2	10.616.055.000	x
5	Công ty TNHH Khoa Đức		m2	449.999,0	11.249.975.000	x
6	Công ty TNHH Ngọc Hà		m2			
<b>II</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>1</b>		<b>2.780.107,3</b>	<b>77.843.004.400</b>	
1	Công ty cổ phần SX - XD -TM & NN Hải Vương		m2	2.780.107,3	77.843.004.400	x
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>		<b>15.667.357,1</b>	<b>400.024.249.400</b>	

Ghi chú: Dấu "x": Để chỉ dự kiến khu đất khi xác định giá cụ thể cần phải thuê tổ chức tư vấn xác định giá đất.